Phụ lục IV

VỀ MỨC THU PHÍ TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 05 / 7 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

1. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn *(Kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu phí
1	Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm.	1.000.000 đồng/01 đề án, báo cáo
2	Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm	2.000.000 đồng/01 đề án, báo cáo
3	Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m^3 đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm	2.600.000 đồng/01 đề án, báo cáo
4	Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm	6.000.000 đồng/01 đề án, báo cáo
5	Trường hợp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép	Mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu theo quy định nêu trên.

2. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn *(Kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

a) Thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất: 1.600.000 đồng/hồ sơ.

b) Đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí cấp giấy phép mới.

3. Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn *(Kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu phí
I	**Trường hợp cấp mới**	
1	Đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 100 m^3 đến dưới 500 m^3/ngày đêm	1.000.000 đồng/01 đề án, báo cáo
2	Đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1 m^3/giây đến dưới 0,5 m^3/giây; hoặc để phát điện với công xuất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm	1.800.000 đồng/01 đề án, báo cáo
3	Đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 m^3/giây đến dưới 1 m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m^3/ngày đêm đến dưới 20.000 m^3/ngày đêm	4.400.000 đồng/01 đề án, báo cáo
4	Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m^3/giây đến dưới 2 m^3/giây; để phát điện với công xuất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m^3 đến dưới 50.000 m^3/ngày đêm	8.400.000 đồng/01 đề án, báo cáo
II	**Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh**	Mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) so với cấp mới